

**BẢNG THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 26/2026/TT-BTC NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
	<p>Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ)</p> <p>Đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh lập dự toán thu, chi; Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán thu, chi ngân sách cấp xã và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau gửi về Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 6 hằng năm</p>	<p>Kể từ thời gian gửi dự toán các cơ quan, đơn vị, địa phương được quy định tại Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) quy định, đồng thời rà soát đề xuất quy định thời gian cho phù hợp với quy định của Luật Ngân sách 2025 và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016 thì thời gian UBND tỉnh báo cáo dự toán năm sau về Bộ Tài chính là trước ngày 20 tháng 7 hàng năm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 thì thời gian UBND tỉnh báo cáo dự toán năm sau về Bộ Tài chính là trước ngày 10 tháng 7 hàng năm)</p>
<p>Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định UBND tỉnh quy định một số nội dung cụ thể như sau: thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau</p> <p>1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ) theo khoản 4 Điều 12;</p> <p>2. Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương theo khoản 3 Điều 13;</p> <p>3. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và rút dự toán chi bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo khoản 3 Điều 15;</p> <p>4. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã gửi Sở Tài chính theo điểm g khoản 2 Điều 18;</p> <p>5. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước theo điểm k khoản 2 Điều 18 và khoản 3 Điều 26;</p> <p>6. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính theo khoản 5 Điều 20;</p> <p>7. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo khoản 3 Điều 26;</p> <p>8. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và ủy ban nhân dân cấp xã theo khoản 3 Điều 35.</p>	<p>Điều 4. Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương</p> <p>1. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh lập và gửi tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đến Sở Tài chính để phục vụ công tác kiểm tra theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I theo quy định.</p> <p>2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã gửi cơ quan tài chính cùng cấp tài liệu thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán chi theo lĩnh vực; bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ; dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán và các tài liệu, văn bản có liên quan khác để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại cấp xã.</p>	<p>Vận dụng các tài liệu thuyết minh cho đơn vị dự toán cấp I của Trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC để áp dụng các đơn vị dự toán cấp I trên địa bàn tỉnh.</p>
	<p>Điều 5. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và rút dự toán chi bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp xã</p> <p>1. Chi bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã: cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa hằng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiền độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định</p> <p>2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã: cơ quan tài chính cấp xã căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết thì phải hoàn trả cho ngân sách tỉnh chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày đơn vị sử dụng ngân sách hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định số vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết.</p>	<p>Căn cứ quy định việc rút bổ sung cân đối, bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh đã rà soát đề xuất mức rút bổ sung mục tiêu, bổ sung cân đối cho phù hợp với thực tế tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC</p>
	<p>Điều 6. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã gửi Sở Tài chính</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách địa phương năm trước theo mẫu biểu số 01 kèm theo Quy định này.</p> <p>Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 3 hằng năm.</p>	<p>Mẫu biểu: Vận dụng mẫu biểu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách địa phương năm trước theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.</p> <p>Thời gian báo cáo đề xuất nhằm đảm bảo việc tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính kịp thời trước ngày 15 tháng 03 hằng năm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
<p>Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định UBND tỉnh quy định một số nội dung cụ thể như sau: thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau</p> <p>1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ) theo khoản 4 Điều 12;</p> <p>2. Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương theo khoản 3 Điều 13;</p> <p>3. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và rút dự toán chi bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo khoản 3 Điều 15;</p> <p>4. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã gửi Sở Tài chính theo điểm g khoản 2 Điều 18;</p> <p>5. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước theo điểm k khoản 2 Điều 18 và khoản 3 Điều 26;</p> <p>6. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính theo khoản 5 Điều 20;</p> <p>7. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo khoản 3 Điều 26;</p> <p>8. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và ủy ban nhân dân cấp xã theo khoản 3 Điều 35.</p>	<p>Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hằng quý báo cáo Sở Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 02 đến số 05 kèm theo Quy định này.</p> <p>Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau.</p>	<p>Mẫu biểu: Vận dụng mẫu biểu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng quý báo cáo Bộ Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.</p> <p>Thời gian báo cáo nhằm đảm bảo việc tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính kịp thời chậm nhất ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC</p>
	<p>Điều 8. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính</p> <p>1. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo quyết toán về cơ quan tài chính cấp xã trước ngày 15 tháng 2 năm sau.</p> <p>2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính như sau</p> <p>- Đối với đơn vị dự toán cấp I vừa là đơn vị sử dụng ngân sách: trước ngày 25 tháng 02 năm sau.</p> <p>- Đối với đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc (cấp II, cấp III) thuộc các ngành: Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường: trước ngày 15 tháng 3 năm sau.</p> <p>- Đối với đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc (cấp II, cấp III) thuộc các ngành khác còn lại: trước ngày 05 tháng 03 năm sau</p>	<p>Kế thừa quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính theo quy định tại Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 07/02/2018; đồng thời, rà soát điều chỉnh nhằm đảm bảo thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương, gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước <b>trước ngày 01 tháng 5 năm sau</b> theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật ngân sách năm 2025 (theo quy định tại điều 70 Luật NSNN năm 2015 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương <b>trước ngày 01 tháng 10 năm sau</b>)</p>
	<p>Điều 9. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm), gồm các chi tiêu: đánh giá cân đối ngân sách cấp xã; đánh giá thực hiện thu ngân sách cấp xã theo lĩnh vực; đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực theo mẫu biểu từ số 01 đến số 04 và mẫu biểu số 06 kèm theo Quy định này.</p>	<p>Vận dụng mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương được quy định tại điểm C khoản 4 Điều 25 Thông tư số 26/2026/TT-BTC và đã rà soát để đề xuất phù hợp với thực tế, nhiệm vụ thu, chi ngân sách cấp xã</p>
	<p>Điều 10. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>1. Đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo công khai ngân sách của đơn vị về cơ quan tài chính cấp xã cùng thời điểm thực hiện công bố công khai ngân sách theo quy định.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo công khai ngân sách cấp xã về Sở Tài chính cùng thời điểm thực hiện công bố công khai ngân sách theo quy định.</p> <p>3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi báo cáo công khai ngân sách của đơn vị về Sở Tài chính cùng thời điểm thực hiện công bố công khai ngân sách theo quy định</p>	<p>Vận dụng quy định về việc báo cáo công khai của các bộ ngành Trung ương là báo cáo công khai cùng thời điểm công bố công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BC</p>